

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Đức Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Thế Q; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đoàn Thế Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào năm 2011. Sau khi kết hôn, chị và anh Q về chung sống tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q chơi số đề, nghiện ma túy, làm kinh tế gia đình sa sút. Chị có nhiều lần góp ý, song anh Q không tiếp thu sửa chữa mà vẫn chứng nào tật ấy. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Gia đình hai bên và bạn bè đã động viên, hòa giải nhưng không có kết

quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hiện tại vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Thế Q.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Thế Q có 02 con chung gồm: Đoàn Thị N, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2012 và Đoàn Gia H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2018. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đoàn Thế Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh và chị L theo như lời khai của chị L đã trình bày là đúng. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị L và vợ chồng còn ràng buộc bởi con chung, nên chị L xin ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung theo như chị L đã khai là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đoàn Thế Q. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các con chung Đoàn Thị N, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2012 và Đoàn Gia H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2018 cho chị L nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đoàn Thế Q. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đoàn Thế Q hiện đang cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thế Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện H1, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 2011, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L anh Đoàn Thế Q đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Q chơi cờ bạc, nghiện ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thế Q là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đoàn Thế Q. Anh Đoàn Thế Q không đồng ý ly hôn, nhưng anh Q cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc anh Q không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thế Q có hai con chung là Đoàn Thị N, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2012 và Đoàn Gia H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2018. Hiện tại chị L là công nhân, còn anh Q là thợ cơ khí nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Chị L và anh Q đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao các con chung Đoàn Thị N và Đoàn Gia H cho chị L nuôi dưỡng. Con chung Đoàn Thị N có nguyện vọng được ở với chị L. Xét thấy, quan điểm của chị L và anh Q là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung N, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thế Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thế Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đoàn Thế Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các con chung Đoàn Thị N, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2012 và Đoàn Gia H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai thu tiền số 12663 ngày 02 tháng 7 năm 2020, nên chị L không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã N1;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

